

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 06 -12 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Lê Văn Nhưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H

Sinh ngày: 01 – 6 - 1961

Địa chỉ: Tiểu khu 4, tổ dân phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

(có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Xóm X, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. *(vắng mặt, không có lý do)*

- Ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Xóm X, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. *(vắng mặt, không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Bà H và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, trú tại: Thôn X, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có quan hệ vay mượn nhiều lần, trong đó có một số khoản nợ vợ chồng ông T, bà N chưa trả hết nên đến ngày 15 - 02 - 2018 dương lịch, ông T, bà N đến nhà bà H và cùng chốt lại tất cả các khoản vay, cụ thể đến ngày 15 - 02 - 2018 dương lịch ông T bà N còn nợ bà H số tiền 1.012.000.000đ (một tỷ không trăm mười hai triệu đồng). Khi đó bà H, ông T, bà N thống nhất chốt nợ và làm giấy vay tiền thể hiện các vấn đề thỏa thuận như sau: Số tiền gốc ông T, bà N vay của bà H là 1.012.000.000 đồng; lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày; lúc đầu 02 bên thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày, tuy nhiên sau khi viết thời hạn vào giấy vay, ông T, bà N đề nghị kéo dài thời hạn cho vay, do đó bà H không hủy giấy vay đã ghi mà viết thêm vào phía sau thời gian trả là ngày 15 tháng 3 năm 2018 (tại biên bản lấy lời khai trước của Tòa án do thời gian lâu bà không nhớ rõ nên đã trả lời là do ghi nhầm, nhưng sau đó bà H đã nhớ lại về việc thỏa thuận thời hạn vay và trình bày lại tại phiên tòa); theo thỏa thuận, đến hạn trả nợ bà H, ông T phải thanh toán cả gốc lẫn lãi 01 lần; việc vay mượn không được đảm bảo theo hình thức nào, nhưng để làm tin thì ông T, bà N để bà H giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Sau khi đến hạn trả nợ, ông T, bà N không trả nợ đúng hạn, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N chưa thanh toán cho bà H bất kỳ số tiền gốc, tiền lãi nào. Do đó, ngày 26 tháng 02 năm 2021 bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N thanh toán cho bà số tiền mà ông T, bà N đã ký vay. Tuy nhiên, đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà yêu cầu ông T, bà N thanh toán cho bà số tiền gồm: 1.012.000.000 đồng tiền gốc; và tiền lãi theo quy định của bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, trong đó, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15 - 2 - 2018 đến ngày 01 - 3 - 2018, từ ngày 02 - 3 - 2018 đến ngày 15 - 3 - 2018 không tính lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 16 - 3 - 2018.

Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã có mặt tại nhà bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N để tổng đạt các văn bản tố tụng và tiến hành lấy lời khai, qua lời khai của bà N cùng với sự nhất trí về lời khai của ông T, Tòa án ghi nhận ý kiến của ông T, bà N như sau: Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T chưa bao giờ ký vào giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL như yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Thực tế, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N có quen biết và nhiều lần vay tiền bà Nguyễn Thị H để làm ăn. Hện nay bà N, ông T chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị H 01 khoản tiền 560.000.000 đồng, trong đó: 300.000.000 đồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N vay hộ 01 người quen tên là D, trú tại: Thôn Q, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, khi vay tiền, ông T, bà

N ký tên vào giấy vay còn người nhận tiền là ông D, còn 260.000.000 đồng là số tiền anh Nguyễn Tiến F vay nhưng bà H đã cộng vào với khoản 300.000.000 đồng rồi làm 01 giấy vay tiền 560.000.000 đồng để ông T, bà N ký tên vào. Hiện ông T, bà N chỉ chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 800.000.000 đồng, còn nếu bà H không đồng ý thì phải chờ ông D về làm việc.

Ngoài lời khai với Tòa án, bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N không cung cấp cho Tòa án thêm tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tiến hành lập biên bản xác minh và lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H và bà H không chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả cho bà số tiền gốc 1.012.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Nguyễn Thị H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy chứng minh nhân dân của bà H (01 tờ, bản sao); sổ hộ khẩu gia đình bà H (01 quyển, bản sao); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (01 tờ, bản sao); giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (01 tờ, bản sao); giấy vay tiền đề ngày 15 – 02 – 2018 DL (01 tờ, bản gốc); 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 279154, bản tự khai.

Nhận thấy cần thiết, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL do nguyên đơn giao nộp, tại kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh ngày 30 – 9 – 2021 số 69/PC09 – NTT có kết quả:

- Chữ viết, chữ ký đề tên Nguyễn Văn T dưới mục “Người vay ký” trên giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn T dưới mục “Bên nhận” trên biên bản giao nhận đề ngày 11 – 8 – 2021 và chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn T dưới 04 tờ của Biên bản lấy lời khai đề ngày 20 – 7 – 2021 có phải do cùng 01 người viết và ký ra.

- Chữ “Nguyễn Thị N” dưới mục “Người vay ký” trên giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL so với chữ viết của bà Nguyễn Thị N dưới mục “Bên nhận” trên biên bản giao nhận đề ngày 11 – 8 – 2021, và chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị N dưới 04 tờ của Biên bản lấy lời khai đề ngày 20 – 7 – 2021 có phải do cùng 01 người viết và ký ra.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả các khoản nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn, cụ thể:

Về lãi suất: Theo giấy vay tiền thể hiện lãi suất vay là 2.000đ/triệu/ngày, tức là 72%/năm, cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và xác định thời hạn vay là 15 ngày tính từ ngày 15/2/2018 đến ngày 01/3/2018, thời hạn trả nợ gốc và lãi là 15/3/2018, từ ngày 02/3/2018 đến ngày 15/3/2018 không tính tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 16/3/2018. Căn cứ vào Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định lãi, lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N gồm:

Tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng;

Tiền lãi gồm:

+ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất 20%/năm) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc là 15 ngày).

+ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất 10%/năm) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc là 1.362 ngày, được tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, 06/12/2021);

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất bằng 150% lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468) x (thời gian chậm trả nợ gốc, là 1.362 ngày, được tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, 06/12/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị H cần phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N các giấy tờ bà H đang giữ.

- Bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N không thừa nhận khoản nợ theo giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018DL nhưng cho rằng hiện ông bà (N, T) đang nợ bà H01 khoản tiền 560.000.000 đồng theo 01 giấy vay tiền khác và có liên quan đến người đàn ông tên D và Nguyễn Xuân F. Đối với vấn đề này, nếu ông T, bà Nhay những người liên quan khác có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về chi phí tố tụng: Kết luận giám định chữ ký, chữ viết chứng minh yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H là có căn cứ, do đó theo quy định tại điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 3.040.000 đồng (bao gồm chi phí giám định và chi phí đi lại).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận. Trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải nộp án phí theo quy định điều 147 BLTTDS, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân với cá nhân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N cư trú tại: Thôn SH, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại phiên tòa và không có lý do chính đáng, do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL, được bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày vay tiền là 15 tháng 02 năm 2018 dương lịch, thời hạn vay do 02 bên thỏa thuận là 15 ngày, tuy nhiên sau khi

viết thời hạn vào giấy vay, ông T, bà N đề nghị kéo dài thời hạn cho vay, do đó bà H không hủy giấy vay đã nghỉ mà viết thêm vào phía sau thời gian trả là ngày 15 tháng 3 năm 2018, nay nguyên đơn đề nghị giải quyết theo hướng, xác định thời hạn vay là 15 ngày, tức từ ngày 15 tháng 02 năm 2018 đến ngày 01 – 3 – 2018, còn từ ngày 02 - 3 - 2018 đến ngày 15 - 3 – 2018, bà H sẽ không tính tiền lãi và ngày thanh toán cả gốc cả lãi được xác định là ngày 15 – 3 - 2018. HĐXX nhận thấy việc giải thích điều khoản hợp đồng của nguyên đơn là không gây bất lợi cho bị đơn, phù hợp với Điều 404 Bộ luật dân sự, do đó xác định thời hạn trả nợ được xác định là ngày 15 tháng 03 năm 2018. Đến ngày 26 tháng 02 năm 2021, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, như vậy thời hiệu để bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N trình bày chưa bao giờ ký tên vào giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL, tức là không thừa nhận khoản vay theo giấy vay tiền trên. Tuy nhiên, kết luận giám định cho thấy, chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền đúng là của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N. Xét thấy việc ký kết vào hợp đồng vay tiền được thực hiện giữa cá nhân và cá nhân có năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng các bên tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm quy định về hình thức hợp đồng; về nội dung trong giấy vay: Thỏa thuận khoản vay, thời hạn vay không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội, tuy nhiên về thỏa thuận về lãi suất là không phù hợp với quy định của pháp luật, nay tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. HĐXX nhận định, giữa bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N có quan hệ vay mượn theo giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL mà nguyên đơn giao nộp tại Tòa án. Đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn đồng gốc và lãi nào, căn cứ vào Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 317, 318, 319, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật cho nguyên đơn.

Về lãi suất: Theo giấy vay tiền thể hiện lãi suất vay là 2.000đ/triệu/ngày, tức là 72%/năm, cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và xác định thời hạn vay là 15 ngày tính từ ngày 15 – 02 – 2018 đến ngày 01 – 3 – 2018, thời hạn trả nợ gốc và lãi là 15-3-2018, từ ngày 02 – 3 – 2018 đến ngày 15- 3 – 2018 không tính tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 16 – 3 – 2018. Căn cứ vào Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định

lãi, lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N gồm:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất 20%/năm) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc là 15 ngày).

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất 10%/năm) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc là 1.362 ngày, được tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, 06 – 12 – 2021);

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất bằng 150% lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468) x (thời gian chậm trả nợ gốc, là 1.362 ngày, được tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, 06 – 12 – 2021).

Như vậy, số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm mà ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H được xác định là:

- Tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng;

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 1.012.000.000 đồng x 15 ngày x 20%/năm = 8.317.808 đồng;

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 8.317.808 đồng x 10%/năm x 1.362 ngày = 3.103.795 đồng

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 1.012.000.000 x 30%/năm x 1362 ngày = 1.132.885.479 đồng.

Tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm mà ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H là: 2.156.307.802 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Tại giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018 DL thể hiện “ *Hình thức cho vay: Cầm cố đồ, cụ thể: - Cầm GCNQSD đất mang tên vợ chồng địa chỉ đất tại Kỳ Khang; cầm 01 chứng minh ND gốc, 01 giấy kinh doanh dịch vụ cầm đồ (3 khoản)* ”, tuy nhiên, theo quy định tại các điều 309 Bộ luật dân sự, các giấy tờ về quyền sử dụng đất không phải là đối tượng pháp luật quy định được cầm cố, theo lời khai của nguyên đơn, việc nguyên đơn giữ những giấy tờ trên chỉ để làm tin, do không hiểu biết nên đã ghi thành cầm cố, ngoài ra, nguyên đơn còn trình bày sau khi vay tiền, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N đã xin lại chứng minh nhân dân và giấy kinh doanh dịch vụ cầm đồ, hiện nguyên đơn chỉ còn giữ 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BY 279154, do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12 tháng 3 năm 2015 mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N.

Do đó căn cứ vào điều 131 Bộ luật dân sự, bà Nguyễn Thị H cần phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N các giấy tờ bà H đang giữ.

[5] Bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N không thừa nhận khoản nợ theo giấy vay tiền đề ngày 15 tháng 02 năm 2018DL nhưng cho rằng hiện ông bà (Nhân, Tuyển) đang nợ bà H01 khoản tiền 560.000.000 đồng theo 01 giấy vay tiền khác và có liên quan đến người đàn ông tên Duận (Trường) và Nguyễn Xuân Hạ. Đối với vấn đề này, nếu ông T, bà Nhay những người liên quan khác có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]: Về chi phí tố tụng: Kết luận giám định chữ ký, chữ viết chứng minh yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H là có căn cứ, do đó theo quy định tại điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 3.040.000 đồng (bao gồm chi phí giám định và chi phí đi lại).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận. Trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, Điều 131, 309, 401, 404, 407, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là: 2.159.347.082 đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc và nợ lãi đến ngày 06 -12 – 2021 là: 2.156.307.082 đồng, gồm: nợ gốc là 1.012.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: 8.317.808 đồng, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là: 3.103.795 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: 1.132.885.479 đồng.

- Chi phí giám định: 3.040.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BY 279154, do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12 tháng 3 năm 2015 mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N phải nộp 75.126.156đ (*bảy mươi lăm triệu một trăm hai sáu nghìn một trăm năm sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 21.180.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005743 ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKS ND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng